TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày 02-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bống.

2. Ông Đinh Công Ó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lường Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/HSST-QĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Tòng Thị Kim N (tên gọi khác: không), sinh ngày 15 tháng 7 năm 1990 tại huyện MS, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số: 86–QĐ/UBKTHU ngày 06/01/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Phù Yên); quốc tịch: Việt Nam; con ông Tòng Văn H, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972; bị cáo có chồng là Lường Văn N và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2022 đến nay - Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Lò Thị A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Chị Hà Thị B, sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Bà Lò Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Bà Cầm Thị D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Bà Lò Thị E, sinh năm 1962; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Chị Hà Thị F, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

8. Bà Hà Thị B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

9. Bà Lò Thị I, sinh năm 1953; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Chị Cầm Thị J, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

11. Chị Hà Thị K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

12. Bà Cầm Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

13. Bà Lò Thị M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản Lìn, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Chị Mùi Thị O, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản Tạo, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Anh Cầm Văn P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản NM, xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Công an xã GP, huyện Phù Yên đã tiếp nhận đơn tố giác của chị Lò Thị A với nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2020, vì tin tưởng Tòng Thị Kim N (là Trưởng trung tâm số 11, thuộc chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP) nên chị A đã nhiều

lần đưa tiền cho N để gửi tiền vào chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP với tổng số tiền hơn 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020, Hội phụ nữ xã GP tiến hành rà soát số tiền gửi của các thành viên trong trung tâm số 11 xác định số tiền gửi của chị A chỉ có 6.700.000 đồng. Chị A yêu cầu điều tra làm rõ, xử lý đối với Tòng Thị Kim N theo quy định.

Quá trình điều tra, xác minh đã xác định được:

Chương trình tín dụng - tiết kiệm phụ nữ xã GP là hoạt động hợp pháp. Nguồn gốc của chương trình được kế thừa từ dự án CARE Phù Yên, là tổ chức phi chính phủ do Cộng hòa Đan Mạch thành lập và hoạt động. Mục đích của dự án là hỗ trợ phụ nữ và phát triển cộng đồng. Chương trình tín dụng - tiết kiệm phụ nữ xã GP chịu sự quản lý, giám sát và hoạt động theo quy định của Hội liên hiệp phụ nữ huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Tháng 6/2016, Tòng Thị Kim N khi đó là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ bản NM 1, xã GP (nay là bản NM) được các hội viên bầu làm Trưởng trung tâm số 11, thuộc chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP và được Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ xã GP giao nhiệm vụ làm Trưởng trung tâm số 11. Trưởng trung tâm có nhiệm vụ: thu tiền tiết kiệm, thu tiền nợ gốc, thu tiền lãi từ các thành viên; xét đề nghị vay vốn cho các thành viên trong trung tâm; tổ chức các cuộc họp hàng tháng; tổ chức xét vốn cho các thành viên vay; ký vào khế ước và đề nghị lên Hội phụ nữ xã GP; cùng hội phụ nữ phát vốn vay cho hội viên; kiểm tra việc sử dụng vốn vay của các hội viên; nộp các khoản tiền thu được lên hội phụ nữ xã GP; vào đầy đủ các thông tin trong các sổ và tổng hợp báo cáo theo quy định.

Chương trình tín dụng - tiết kiệm phụ nữ xã GP quy định thành viên của các trung tâm muốn gửi tiền vào chương trình phải đưa tiền để Trưởng trung tâm đi gửi cho. Các thành viên không được trực tiếp đến gửi tại Ban quản lý chương trình. Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2016 đến tháng 4/2021, với nhiệm vụ được giao là Trưởng trung tâm số 11, Tòng Thị Kim N đã Lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại, sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

- *Chị Lò Thị A:*

Trong khoảng từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019 (sau thời điểm đó chị Lò Thị A không gửi tiền vào chương trình), chị Lò Thị A đã nhiều lần đưa tiền cho Tòng Thị Kim N để gửi vào Chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Tiền lãi là 1.700.000 đồng chị A tiếp tục gửi vào chương trình.

Nếu N thực hiện việc gửi tiền cho chị A đúng quy định thì tính đến tháng 6/2022 (thời điểm có đơn tố giác hành vi của N), tổng số dư trong chương trình

của chị A phải là: 40.000.000 đồng (tiền gửi) + 1.700.000 đồng (tiền lãi) = 41.700.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền gửi từ chị A, N đã Lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình, không gửi tiền hoặc gửi không đúng số tiền hoặc gửi vào rồi lại rút ra để chiếm đoạt tiền của chị A. Đến tháng 6/2022, chị A được thông báo số tiền trong chương trình của mình chỉ có 6.700.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của chị A số tiền 35.000.000 đồng.

- Chị Hà Thị B, sinh năm 1994:

Từ tháng 4/2019 đến tháng 02/2020 (sau thời điểm đó chị B không gửi tiền vào chương trình), chị Hà Thị B đã nhiều lần đưa tiền cho Tòng Thị Kim N để gửi vào chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP với tổng số tiền là 66.113.000 đồng. Tiền lãi là 2.400.000 đồng chị B tiếp tục gửi vào chương trình.

Nếu N thực hiện việc gửi tiền cho chị B đúng quy định thì tính đến tháng 6/2022, tổng số dư trong chương trình của chị B phải là: 66.113.000 đồng (tiền gửi + 2.400.000 đồng (tiền lãi) – 20.000.000 đồng (tiền chị B đã rút về) = 48.513.000 đồng.

N đã Lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình, không gửi tiền hoặc gửi không đúng số tiền hoặc gửi vào rồi lại rút ra để chiếm đoạt tiền của chị B. Đến tháng 6/2022, chị B được thông báo số tiền trong chương trình của mình chỉ có 24.400.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của chị B số tiền 24.113.000 đồng.

Cũng với phương thức và thủ đoạn nêu trên, N đã chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại khác như sau:

- Bà Lò Thị C:

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà C thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà C phải là: 56.372.000 đồng (tiền gửi từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2021) + 1.500.000 đồng (tiền lãi) – 16.000.000 đồng (tiền bà C đã rút về) – 500.000 đồng (tiền lãi rút về) = 41.372.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà C chỉ còn 9.000.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của bà C số tiền 32.372.000 đồng.

- Bà Cầm Thị D:

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà D thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà D phải là: 123.300.000 đồng (tiền gửi từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2020) + 4.500.000 đồng (tiền lãi) – 54.000.000 đồng (tiền bà D đã rút về) = 72.800.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà D chỉ còn 8.300.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của bà D số tiền 64.500.000 đồng.

- Bà Lò Thị E:

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà E thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà E (từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2020) phải là: 39.200.000 đồng (số dư từ sổ cũ gửi sang) + 55.790.000 đồng (tiền mới gửi) + 5.445.000 đồng (tiền lãi) – 38.000.000 đồng (tiền bà E đã rút về) = 62.435.000 đồng .

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà E chỉ còn 1.300.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của bà E số tiền 61.135.000 đồng.

- *Chị Hà Thị F:* Là con của bà Lò Thị E, chị F có gửi tiền về cho bà E đi gửi cho N để bị cáo gửi tiền vào chương trình cho chị F. Từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2020, bà E nhận tiền từ chị F và đưa tiền cho N để gửi vào chương trình với tổng số tiền là: 77.840.000 đồng (tiền gửi) + 4.900.000 đồng (tiền lãi) – 20.000.000 đồng (chị F nhờ bà E rút tiền) = 62.740.000 đồng. .

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của chị F chỉ còn 24.300.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt số tiền 38.440.000 đồng.

- *Chị Hoàng Thị G:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho chị G thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của chị G (từ năm 2016 đến tháng 6/2020) phải là: 340.000 đồng (số dư từ sổ cũ gửi sang) + 47.802.000 đồng (tiền mới gửi) + 1.228.000 đồng (tiền lãi) - 31.000.000 đồng (tiền chị G đã rút về) = 18.370.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của chị G chỉ còn 3.668.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của chị G số tiền 14.702.000 đồng.

- *Bà Hà Thị B, sinh năm 1963:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà B thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà B (từ năm 2016 đến tháng 12/2020) phải là: 22.720.000 đồng (số dư từ sổ cũ gửi sang) + 150.000 đồng (tiền mới gửi) - 6.000.000 đồng (tiền đã rút về) = 16.870.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà B chỉ còn 8.790.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt số tiền 8.080.000 đồng.

- *Bà Lò Thị I:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà I thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà I phải là: 75.600.000 đồng (tiền gửi từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2019) + 6.400.000 đồng (tiền lãi) – 40.000.000 đồng (tiền đã rút về) = 42.000.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà I chỉ còn 29.700.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của bà I số tiền 12.300.000 đồng.

- *Chị Cầm Thị J:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho chị J thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của chị J phải là: 46.400.000 đồng

(tiền gửi từ 02/2019 đến tháng 6/2020) + 1.900.000 đồng (tiền lãi) – 21.700.000 đồng (tiền đã rút về) = 26.600.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của chị J chỉ còn 13.100.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của chị J số tiền 13.500.000 đồng.

- *Chị Hà Thị K:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho chị K thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của chị K (từ năm 2016 đến tháng 12/2020) phải là: 1.200.000 đồng (số dư từ sổ cũ gửi sang) + 15.000.000 đồng (tiền mới gửi) + 500.000 đồng (tiền lãi) – 8.900.000 đồng (tiền đã rút về) = 7.800.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của chị K là 0 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của chị K số tiền 7.800.000 đồng.

- *Bà Cầm Thị L:*

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà L thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà L phải là: 91.200.000 đồng (tiền gửi từ 10/2017 đến tháng 3/2021) + 2.170.000 đồng (tiền lãi) – 62.900.000 đồng (tiền đã rút về) = 30.470.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà L chỉ còn 0 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt của bà L số tiền 30.470.000 đồng.

- *Bà Lò Thị M:* là thành viên của Trung tâm số 11. Bà M đưa tiền cho anh Cầm Văn P đi gửi tiền cho N.

Nếu N thực hiện việc gửi tiền đầy đủ vào chương trình cho bà M thì tính đến tháng 06/2022, tổng số dư trong chương trình của bà M phải là: 44.400.000 đồng (tiền gửi từ 7/2017 đến tháng 8/2020) + 3.150.000 đồng (tiền lãi) – 20.000.000 đồng (tiền đã rút về) = 27.550.000 đồng.

Đến tháng 6/2022, tổng số tiền trong chương trình của bà M chỉ còn 18.950.000 đồng. Như vậy, N đã chiếm đoạt số tiền 8.600.000 đồng.

- Bị cáo Tòng Thị Kim N khai nhận: từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2021, các bị hại đã giao tiền cho N để N gửi vào Chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP. Sau khi nhận tiền N ghi thông tin vào sổ theo dõi vốn vay và tiết kiệm của các bị hại, ghi thời gian đưa tiền (ngày, tháng, năm). Ghi số tiền gửi trong tháng vào mục gửi vào; Ghi số tiền tiết kiệm tổng vào mục cân đối và ký tên xác nhận vào mục chữ ký của Trưởng trung tâm, rồi đưa lại sổ cho các bị hại. N đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn là Trưởng trung tâm số 11 - thuộc chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP không gửi tiền hoặc gửi không đúng số tiền hoặc gửi vào rồi lại rút ra để chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền là 351.012.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu không trăm mười hai nghìn đồng), N đã chi tiêu cá nhân hết. Để các bị hại không phát hiện việc N chiếm đoạt tiền, hàng tháng N vẫn tính tiền lãi trên số tiền gửi tiết kiệm cho các bị hại.

Ngày 07/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 112/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với chữ viết và chữ ký của Tòng Thị Kim N tại các sổ theo dõi vốn vay và tiết kiệm của các bị hại.

Tại Bản kết luận giám định số 1288/KL-KTHS ngày 27/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định các mẫu chữ viết, chữ ký tại các sổ theo dõi tiền gửi của các bị hại là của Tòng Thị Kim N.

Tại phiên tòa các bị hại trình bày: Trong quá trình đưa tiền cho bị cáo, các bị hại đều yêu cầu bị cáo phải ghi số tiền đã nhận và ký vào sổ của từng hội viên, đến thời điểm phát hiện hành vi vi phạm của bị cáo, thì bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 351.012.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu, không trăm mười hai nghìn đồng) và hiện nay chưa bồi thường cho bất kỳ bị hại khoản tiền nào. Yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả cho các bị hại toàn bộ khoản tiền trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị N và chị Mùi Thị O trình bày: Sau khi phát hiện hành vi vi phạm của bị cáo. Ban lãnh đạo Hội liên hiệp phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tiến hành cung cấp tất cả sổ sách liên quan đến các bị hại, để đối chiếu, rà soát với sổ theo dõi của bị cáo cũng như các bị hại và đã cung cấp số liệu chính xác các khoản tiền mà các bị hại đã gửi trong Chương trình. Đối với số tiền còn lại của các bị hại trong Chương trình tín dụng – tiết kiệm phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên tính đến tháng 6/2022 là 148.208.000đ. Trong tháng 7, 8 năm 2022, số tiền này của các bị hại đã được Hội phụ nữ xã GP trả lại toàn bộ cho các bị hại.

- Anh Cầm Văn P trình bày: Anh là con đẻ của bà Lò Thị M, bà M có nhờ anh cầm các khoản tiền của bà đi nộp cho bị cáo để gửi vào Chương trình và cũng là người cầm các khoản tiền mà bà M rút từ bị cáo. Anh cũng xác định các khoản tiền bị cáo khai đã gửi và chiếm đoạt của bà M là hoàn toàn đúng, hiện nay bà M có mặt tại phiên tòa do đó mọi quyết định là do bà M.

Cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố bị cáo Tòng Thị Kim N về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản,theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tòng Thị Kim N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị Kim N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào nơi thụ hình.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Bồi thường cho chị Lò Thị A số tiền 35.000.000 đồng; cho chị Hà Thị B (sinh năm 1994) số tiền 24.113.000 đồng; cho bà Lò Thị C số tiền 32.372.000 đồng; cho bà Cầm Thị D số tiền 64.500.000 đồng; cho bà Lò Thị E số tiền 61.135.000 đồng; cho chị Hà Thị F số tiền 38.440.000 đồng; cho chị Hoàng Thị G số tiền 14.702.000 đồng; cho bà Hà Thị B (sinh năm 1963) số tiền 8.080.000 đồng; cho bà Lò Thị I số tiền 12.300.000 đồng; cho chị Cầm Thị J số tiền 13.500.000 đồng; cho chị Hà Thị K số tiền 7.800.000 đồng; cho bà Cầm Thị L số tiền 30.470.000 đồng; cho bà Lò Thị M số tiền 8.600.000 đồng.

Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bị cáo, Hội liên hiệp phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tòng Thị Kim N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 17.551.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; Bản tự khai; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2021, Tòng Thị Kim N là Trưởng trung tâm số 11, thuộc chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên đã Lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt số tiền 351.012.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu, không trăm mười hai nghìn đồng) của 13 bị hại gửi tiền vào chương trình tín dụng và tiết kiệm phụ nữ xã GP, mục đích để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 06 năm đến 13 năm.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được việc lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức kinh tế của Nhà nước, đồng thời còn xâm phạm đến quyền sở hữu, tài sản của công dân, của Nhà nước, của tổ chức chính trị xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, khi phạm tội là phụ nữ đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ Trưởng trung tâm thuộc Chương trình tín dụng – tiết kiệm phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong thời gian 02 (Hai) năm.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 351.012.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu, không trăm mười hai nghìn đồng), đến nay chưa bồi thường cho bất kỳ các bị hại khoản tiền nào. Do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 351.012.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu, không trăm mười hai nghìn đồng) cụ thể bồi thường cho chị Lò Thị A số tiền 35.000.000 đồng; cho chị Hà Thị B (sinh năm 1994) số tiền 24.113.000 đồng; cho bà Lò Thị C số tiền 32.372.000 đồng; cho bà Cầm Thị D số tiền 64.500.000 đồng; cho bà Lò Thị E số tiền 61.135.000 đồng; cho chị Hà Thị F số tiền 38.440.000 đồng; cho chị Hoàng Thị G số tiền 14.702.000 đồng; cho bà Hà Thị B (sinh năm 1963) số tiền 8.080.000 đồng; cho bà Lò Thị Hội số tiền 12.300.000 đồng; cho chị Cầm Thị J số tiền 13.500.000 đồng; cho chị Hà Thị K số tiền 7.800.000 đồng; cho bà Cầm Thị L số tiền 30.470.000 đồng; cho bà Lò Thị M số tiền 8.600.000 đồng.

Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bị cáo, Hội liên hiệp phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

[6] Đối với chị Hoàng Thị N - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã GP và chị Mùi Thị O - Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã GP: Trong thời gian bị cáo Tòng Thị Kim N là Trưởng trung tâm số 11 thì chị N và O có nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Chương trình tín dụng - tiết kiệm phụ nữ xã GP. Việc N lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của các bị hại, chị N và O hoàn toàn không biết và không được hưởng lợi ích gì. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

[7] Đối với số tiền còn lại của các bị hại trong Chương trình tín dụng – tiết kiệm phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên tính đến tháng 6/2022. Trong tháng 7,8 năm 2022, số tiền này của các bị hại đã được Hội liên hiệp phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên trả lại. Do đó, không đề cập đến việc giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 355; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tòng Thị Kim N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn

chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị Kim N 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo vào nơi thụ hình.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Tòng Thị Kim N đảm nhiệm chức vụ Trưởng trung tâm thuộc Chương trình tín dụng - tiết kiệm phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên trong thời gian 02 (Hai) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung tính từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Bồi thường cho chị Lò Thị A số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng); cho chị Hà Thị B (sinh năm 1994) số tiền 24.113.000đ (Hai mươi bốn triệu, một trăm mười ba nghìn đồng); cho bà Lò Thị C số tiền 32.372.000đ (Ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng); cho bà Cầm Thị D số tiền 64.500.000đ (Sáu mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng); cho bà Lò Thị E số tiền 61.135.000đ (Sáu mươi mốt triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng); cho chị Hà Thị F số tiền 38.440.000đ (Ba mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); cho chị Hoàng Thị G số tiền 14.702.000đ (Mười bốn triệu, bảy trăm linh hai nghìn đồng); cho bà Hà Thị B (sinh năm 1963) số tiền 8.080.000đ (Tám triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng); cho bà Lò Thị I số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng); cho chị Cầm Thị J số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng); cho chị Hà Thị K số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu, tám trăm nghìn đồng); cho bà Cầm Thị L số tiền 30.470.000đ (Ba mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); cho bà Lò Thị M số tiền 8.600.000đ (Tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bị cáo, Hội liên hiệp phụ nữ xã GP, huyện Phù Yên phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Tòng Thị Kim N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 17.551.000đ (Mười bảy triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các A hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

A hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/3/2023).

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Đức